

**PHỤ LỤC**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2023 THEO NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND HUYỆN**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện Hòn Quán)*

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Chỉ tiêu huyện giao năm 2023	Thực hiện 09 tháng năm 2023		Ghi chú
				Kết quả	So với chỉ tiêu huyện giao	
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu Kinh tế</b>					
1	Giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản (giá cố định năm 2010)	Tỷ đồng	3.391	2.315	68,3%	
2	Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng (giá cố định năm 2010)	Tỷ đồng	1.220	790	64,8%	
3	Giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ (giá cố định năm 2010)	Tỷ đồng	2.294	1.323	57,7%	
4	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng	391	221,92	56,8%	
5	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	1			đánh giá cuối năm
6	Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao	Xã	1			
7	Số doanh nghiệp được thành lập mới	Doanh nghiệp	60	45	75,0%	
8	Số HTX được thành lập mới	HTX	3	2	66,7%	
9	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia	%	99,3	99,28	99,98%	
10	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99,68	99,68	100,00%	
11	Tỷ lệ che phủ rừng và cây lâu năm	%	75,6	75,6	100,00%	
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu xã hội, môi trường</b>					
12	Số trường duy trì đạt chuẩn quốc gia	Trường	12	10	83,3%	
13	Số giường bệnh/10.000 dân	Giường bệnh/10.000 dân	7,8	6,68	85,6%	
14	Số bác sỹ/10.000 dân	Bác sỹ/10.000 dân	4,38	4,77	108,9%	
15	Tăng dân số cơ học để tăng mức tăng dân số hàng năm	%	0,65	0,30	46,2%	chưa đạt tiến độ
16	Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	100	100	100,0%	
17	Giảm tỷ suất sinh	‰	0,15			đánh giá cuối năm
18	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi không chế	%	8	5,60	vượt 2,4%	
19	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng	%	85	53,10	62,5%	chưa đạt tiến độ
20	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	93	90,00	96,8%	
21	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH	%	38	33,00	86,8%	
22	Phấn đấu giải quyết việc làm	Lao động	3.600	3.200	88,9%	
23	Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới	%	<3	<3	100,0%	
24	Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nông thôn	%	90	90	100,0%	

25	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	66	66,00	100,0%	
26	Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện theo tiêu chí mới áp dụng cho giai đoạn 2022-2025	% Hộ	218			Đánh giá cuối năm
27	Tỷ lệ số hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu “Gia đình văn hóa”	%	95			Đánh giá cuối năm
28	Tỷ lệ áp sóc và khu dân cư được công nhận giữ vững danh hiệu hóa	%	94			
29	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%	98			
30	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	%	100	92,7	92,7%	